

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2017/HNGĐ – ST
Ngày 12 – 7 – 2017
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Nguyên;

2. Bà Nguyễn Thị Tường Vi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Mỹ Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2017/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2017/QĐXXST – HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2017/QĐST – HNGĐ ngày 22/6/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Nguyễn Minh T, sinh năm 1996. Địa chỉ cư trú: Ấp T2, xã T, huyện CD, thành phố Cần Thơ (Vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn B, sinh năm 1985. Địa chỉ cư trú: Khóm TT, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 17/02/2017, tại biên bản không tiến hành hòa giải được nguyên đơn bà Hồ Nguyễn Minh T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và Phạm Văn B tự tìm hiểu và quyết định tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào cuối năm 2012 nhưng chưa đăng ký kết hôn theo qui định pháp luật. Hôn nhân lần thứ nhất của ông bà. Sau khi kết hôn, bà và ông B chung sống

hạnh phúc đến năm đầu năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không hòa thuận. Đến tháng 02 năm 2015 thì ông bà tự ly thân cho đến nay. Nhận thấy, thời gian ly thân đã lâu nhưng vợ chồng vẫn không có biện pháp hàn gắn tình cảm nên bà T yêu cầu được ly hôn ông B.

- Về con chung: Bà T trình bày, bà và ông B có 01 (Một) con chung tên Hồ Thị N sinh ngày 02/4/2013. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Bà T không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Phạm Văn B là bị đơn trong vụ án không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến qua yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con của bà T.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Bà T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 12/7/2017 lý do cháu N bị bệnh đột xuất. Ông B vắng mặt lần thứ hai không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 12/7/2017, ông B vắng mặt lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông B phù hợp với qui định tại Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Do thời gian ly thân đã lâu, nhưng tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông B vẫn không hàn gắn được nên bà T yêu cầu ly hôn và do bà T và ông B sống chung như vợ chồng, không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không công nhận bà T và ông B là vợ chồng.

Về con chung: Bà T có đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về con chung.

Nguyên đơn trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và xác định không có nợ chung. Do bị đơn không có ý kiến nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 12/7/2017. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Tranh chấp giữa bà Hồ Nguyễn Minh T và ông Phạm Văn B là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý giải quyết.

[3] Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo qui định tại Điều 177 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự và đã tiến hành thu thập chứng cứ là xác định tình trạng cư trú của bị đơn và được Công an phường M cung cấp thông tin: “Ông Phạm Văn B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 12/14, khóm TT, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Ông B hiện vẫn còn cư ngụ tại địa chỉ trên”. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Phạm Văn B.

Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Ngoài lời khai ra, bà T còn có đơn yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ xác nhận hiện nay bà chưa đăng ký kết hôn với ai. Cũng tại xác minh ngày 27/5/2017, Ủy ban nhân dân phường M xác định ông Phạm Văn B và bà Hồ Nguyễn Minh T chưa tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn tại địa phương. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông B đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về đăng ký kết hôn. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về mâu thuẫn trong hôn nhân mà mà áp dụng điểm b khoản 3 Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội và Thông Tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp, tuyên bố không công nhận bà Hồ Nguyễn Minh T và ông Phạm Văn B là vợ chồng.

[5] Về con chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ con chung, ông B cũng không có ý kiến qua yêu cầu khởi kiện của bà T nên Hội đồng xét xử không xem xét về quan hệ con chung giữa ông bà. Khi nào các bên có phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Do ông B không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[7] **Về án phí:** Bà T phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà T đã nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010725 ngày 06/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 9 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Nguyễn Minh T.

Tuyên bố bà Hồ Nguyễn Minh T và ông Phạm Văn B không phải là vợ chồng.

- **Về con chung, về tài sản chung và nợ chung:** Không xem xét.

Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà T đã nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010725 ngày 06/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà T, ông B được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND TPL;
- THADS TPL;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Phạm Xuân Khanh

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TPLX;
- Lưu: hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phạm Xuân Khanh

Trần Phạm Xuân Khanh

